

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST  
Ngày 20 - 7 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Huấn và bà Nông Thị Giáp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Triệu Văn H (tên gọi khác: không) sinh ngày xx/x/19xxx tại xã M, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn D, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn N và bà Triệu Thị D; có vợ là Triệu Thị T và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: 02 tiền sự; nhân thân: Bị cáo đã chấp hành xong bản án số 27/2013/HS-ST ngày 10/9/2013 của TAND huyện N về “Tội trộm cắp tài sản”; ngày 19/7/2018, bị cáo bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng quyết định số: 109/QĐ-XPVPHC. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2021 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Xuân, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, theo quyết định số 249/QĐ-TGPL ngày 14/5/2021 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng, "Có mặt";

2. Người có quyền lợi liên quan:

- Chị Triệu Thị T, sinh năm 19xx “Vắng mặt”;

- Bà Triệu Thị D, sinh năm 19xx “Có mặt”;

Địa chỉ: Cùng trú tại: Thôn D, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.



Người làm chứng:

- Ông Nông Văn C, sinh năm: 19xx, trú tại thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, “Vắng mặt”.

- Ông Ngô Dũng M, sinh năm: 19xx, trú tại tổ x, phường K, thành phố K, tỉnh Bắc Kạn, “Vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút, ngày 01/5/2021, tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại đoạn đường thuộc thôn T, thị trấn L, huyện N thì phát hiện Triệu Văn H đang điều khiển xe mô tô BKS xxB1-xxxxx có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy; tổ công tác đã yêu cầu H dừng xe để kiểm tra đồng thời lập biên bản kiểm tra và H đã tự nguyện giao nộp 01 gói nhỏ được gói bằng túi nylon, bên trong túi này có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, mở tiếp gói nhỏ này thì phát hiện bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục, lẫn bột. Nghi là ma túy, tổ công tác trích một lượng nhỏ chất bột màu trắng này để thử với thuốc thử Heroine do Bộ Công an cung cấp, kết quả dung dịch thuốc thử chuyển sang màu tím trùng với màu nhận biết Heroine. Sau khi thử phản ứng, tổ công tác niêm phong theo quy định. Nguồn gốc số ma túy này được H mua với số tiền 200.000,đ của 01 người đàn ông không quen biết tại đoạn đường đi Động N thuộc thôn I, thị trấn L, huyện N vào khoảng 18 giờ cùng ngày. Ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ của H: 02 chiếc bom kim tiêm + số tiền 425.000,đ + 01 chiếc điện thoại di động + 02 lọ thủy tinh đựng dung dịch nước nhãn hiệu NOVOCAIN 3% + 01 chiếc xe mô tô BKS xxB1-xxxxx.

Cùng ngày 01/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 05 và thực hiện công tác khám xét khẩn cấp đối với nhà ở và các công trình phụ cận có liên quan của Triệu Văn H tại nơi cư trú thuộc thôn D, xã V, huyện N. Kết quả khám xét được H chỉ nơi cất giấu, phát hiện và thu giữ 01 túi nhỏ nylon trong suốt, bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục lẫn bột. Tổ công tác trích một lượng nhỏ chất bột màu trắng này để thử với thuốc thử Heroine do Bộ Công an cung cấp, kết quả dung dịch thuốc thử chuyển sang màu tím trùng với màu nhận biết Heroine. Đây là số ma túy được H mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bến xe khách huyện N với số tiền 200.000,đ trong một lần dùng xe mô tô BKS xxB1-xxxxx để đi mua ma túy và kết hợp mua thực phẩm về cho gia đình vào ngày 29/4/2021. Sau khi thử phản ứng, tổ công tác niêm phong theo quy định. Ngoài ra còn tạm giữ của H: 02 chiếc bom kim tiêm + 01 giấy mua bán xe + 01 giấy chứng minh nhân dân.

Hồi 23 giờ 10 phút, ngày 01/5/2021, tại trụ sở Công an huyện N cùng có mặt Triệu Văn H, đã tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng chất bột, lẫn cục thu giữ trên người H có kết quả là 0,298g và thu giữ tại nhà H có kết quả là 0,147g. Sau khi cân, số chất bột lẫn cục trên, được niêm phong lần lượt vào trong phong bì ký hiệu C1, C2 gửi giám định.

Ngày 02/5/2021, tổ công tác lập biên bản xét nghiệm nhanh ma túy đối với Triệu



Văn H, kết quả dương tính, Hoàn có sử dụng ma túy.

Ngày 02/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra quyết định trưng cầu giám định số 14. Tại bản kết luận giám định số 85/KTHS-MT ngày 07/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu C1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,298g, sau giám định còn lại 0,250g; mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu C2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,147g, sau giám định còn lại 0,110g. Sau giám định các mẫu chất bột gửi giám định còn lại cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T85 hoàn trả lại cho cơ quan trưng cầu.

Tại biên bản kiểm tra số khung, số máy xe mô tô lập ngày 18/5/2021 của Công an huyện và phiếu trả lời xác minh số 721/PC08-PTLXM ngày 06/7/2021 của Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Bắc Kạn có kết quả: Chiếc xe mô tô BKS xxB1-xxxxx đang bị tạm giữ có số khung, số máy, biên kiểm soát trùng với giấy mua bán xe máy lập ngày 30/9/2019, giữa người bán là ông Ngô Dũng M là chủ cơ sở sửa chữa mua bán xe máy M với người mua là Triệu Văn H. Chiếc xe mô tô này có nhãn hiệu YAMAHA, có số khung: RLCS5C6H0EY07xxxx – số máy: 5C6H06xxxx – BKS xxB1-xxxxx được cấp đăng ký lần đầu là ông Nông Văn C, trú tại thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu T85;
- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4 (Bên trong có 02 chiếc bơm kim tiêm loại 3mm/cc + 02 lọ thủy tinh đựng dung dịch nước nhãn hiệu NOVOCAIN 3%).
- 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 (Bên trong có 02 bơm kim tiêm nhãn hiệu DISCARDAFTER);
- 01 phong bì niêm phong ký hiệu C3 (Bên trong có 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong; 01 túi nylon; 01 mảnh giấy – loại giấy vỏ trong bao thuốc lá);
- 01 phong bì niêm phong ký hiệu C4 (Bên trong có 01 phong bì ký hiệu B1 đã mở niêm phong; 02 túi nylon trong suốt một mặt có in chữ màu xanh);
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi;
- 01 chiếc xe mô tô có nhãn hiệu YAMAHA; BKS xxB1 – xxxxx kèm chìa khóa xe.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số mang tên Triệu Văn H;
- Số tiền 425.000,đ do Ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành theo biên bản giám định tiền giả, tiền nghi giả lập ngày 26/5/2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam, chi nhánh huyện N, Bắc Kạn;

Các vật chứng được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-NR ngày 20/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Na Rì để xét xử Triệu Văn H về: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).



Tại phiên tòa, Triệu Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của H tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố; về động cơ, mục đích phạm tội, H khai nhận, do nghiện ma túy nên tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất ma túy; số ma túy Hoàn tự nguyện giao nộp và bị thu giữ tại nhà ở của Hoàn vào cùng ngày 01/5/2021 là của H. Trong đó, số ma túy thu giữ tại nhà ở đã được H sử dụng một ít trước khi bị bắt. Cả hai lần đi mua ma túy trên thì H đều sử dụng chiếc xe mô tô BKS xxB1-xxxxx và một mình điều khiển xuất phát từ đi từ nhà ở của bị cáo. Về các tài sản và đồ vật đang bị tạm giữ, thì trong đó có chiếc điện thoại là của mẹ H; hai sim lắp trong chiếc điện thoại là của H không được H sử dụng để liên lạc mua ma túy với ai hay rủ rê người khác đi mua ma túy cùng; số tiền 425.000,đ là của H, không liên quan đến việc tàng trữ ma túy; chiếc xe mô tô BKS xxB1-xxxxx là xe cũ, được cả hai vợ chồng đi mua lại vào năm 2019 bằng tiền đi làm công ty của vợ; từ trước ngày 29/4/2021, vợ H đi làm công ty tại Bắc Ninh và hiện nay Bắc Ninh đang được cách ly phòng dịch Covid – 19 nên vợ H không về nhà được nên không biết việc H sử dụng chiếc xe của gia đình để đi mua ma túy; giấy mua bán xe là tài liệu liên quan đến việc sở hữu chiếc xe mô tô của vợ chồng H. Còn giấy tờ của chiếc xe mô tô, H đã sử dụng cầm cố ở huyện Quế võ, Bắc Ninh, hiện nay không nhớ cửa hàng và thời gian cầm cố; vợ H cũng không biết việc H cầm cố giấy tờ xe. Nay đề nghị được xin lại các tài sản trên; còn đối với các bơm kim tiêm + lọ nước cất là dụng cụ sử dụng để tiêm chích ma túy cho bản thân thì không có yêu cầu gì. H không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của điều tra viên, cơ quan điều tra; kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt chính; không áp dụng hình phạt bổ sung và xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa – Bà Triệu Thị D trình bày: Chiếc điện thoại đang bị tạm giữ là của bà cho H mượn sử dụng vào khoảng thời gian tháng 4/2021, còn sim điện thoại lắp trên điện thoại bị tạm giữ không phải của bà. Bà cũng không biết việc H cất giấu ma túy tại nhà H. Nay bà đề nghị cho xin lại chiếc điện thoại di động.

Tại biên bản ghi lời khai, ông Nông Văn C và Ngô Dũng M trình bày: Chiếc xe mô tô đang bị tạm giữ được đăng ký lần đầu mang tên Nông Văn C, ông C bán lại cho ông M và tiếp tục được ông M bán lại cho Triệu Văn H có lập giấy mua bán xe. Ông M còn cho biết: Khi H đến mua xe mô tô vào năm 2019, thì có 01 người phụ nữ đi cùng với H.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị Xuân, trình bày: Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để cân nhắc khi quyết định mức hình phạt; cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có điều kiện nhận thức lỗi lầm và hoàn lương; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn H phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 46, 47 của BLHS 2015; Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015) :



Xử phạt bị cáo Triệu Văn H từ 05 năm đến 06 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T85; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C3; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C4; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2. Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi; 425.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân số xxxxx3363; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS xxB1 – xxxxx, kèm chìa khóa xe; 01 giấy mua bán xe máy; miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi liên quan là chị Triệu Thị T và những người làm chứng. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị phiên tòa tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy, những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai; quyền lợi liên quan của chị T đã được làm rõ bằng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nên, quyết định phiên tòa được tiếp tục xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại Điều 292, 293 của BLTTHS 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Triệu Văn H, do nghiện ma túy nên đã nhiều lần cố ý tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Cụ thể: Lần thứ nhất, vào ngày 29/4/2021, bị cáo đã tàng trữ trái phép 0,147g ma túy tại nhà ở của bị cáo thuộc thôn D, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; lần thứ hai, ngày 01/5/2021, bị cáo tiếp tục tàng trữ trái phép trên người bị cáo 0,298g ma túy. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo được thực hiện hai lần vào thời gian và không gian khác nhau. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ tại nhà ở và trên người bị cáo là Heroine đã bị cơ quan Công an huyện N phát hiện và thu giữ cùng ngày 01/5/2021.

Do vậy, mỗi một hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 249 của BLHS 2015, nội dung điều luật quy định: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*...c) Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

*...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05*



*năm đến 10 năm:*

*...; b) Phạm tội 02 lần trở lên;*

*...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... ”.*

Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý các chất biệt dược của Nhà nước; gây ra các tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội; để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người nghiện và xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; nghĩa vụ nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo bản án số: 27/2013/HS-ST ngày 10/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, bị cáo không phạm tội mới và cũng trong thời gian này, người được thi hành án dân sự trong bản án trên cũng không có yêu cầu thi hành án theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự, nên bị cáo được đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của BLHS 2015; ngày 19/7/2018, bị cáo bị Công an huyện N xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 109/QĐ-XPVPHC; trong thời gian 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định XPVPHC bị cáo không tái phạm nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 74 của LXLVPHC. Bị cáo không có tiền án. Về tiền sự: Bị cáo có 02 tiền sự, cụ thể: Khi chưa hết thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 04/2018/QĐ-TA ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N và chưa hết thời hạn 01 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 53/QĐ-XPVC, ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND xã V, huyện N để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, thì ngày 29/4 và ngày 01/5/2021, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ các tình tiết nêu trên cho thấy, dù đã phải chấp hành nhiều quyết định quản lý cưỡng chế của Nhà nước, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục tái phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 của BLHS 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết quyết định mức hình phạt và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm



tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để tuyên truyền pháp luật nhằm phòng ngừa chung. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù bị cáo có nghề nghiệp chính là làm ruộng, nhưng lại không có quyền sử dụng diện tích đất nào; bản thân bị cáo sống phụ thuộc vào nguồn tiền do vợ đi làm thuê mà có; gia đình thuộc hộ nghèo; bản thân bị cáo thì nghiện ma túy nên không tạo lập được gì cho khối tài sản chung của gia đình và tài sản riêng của bản thân. Do vậy, xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành án, nên cần miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở.

Đối với hai người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo vào các ngày 29/4 tại khu vực bến xe khách huyện N và ngày 01/5/2021 tại khu vực thuộc thôn I, thị trấn L, huyện N, do không xác định được lai lịch của những người này nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu T85; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C3; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C4 là vật chứng của vụ án liên quan đến tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 có chứa các dụng cụ để bị cáo sử dụng làm phương tiện chích ma túy vào cơ thể nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp;

- Số tiền 425.000,đ do Ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành theo biên bản giám định tiền giả, tiền nghi giả lập ngày 26/5/2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam, chi nhánh huyện Na, Bắc Kạn đang bị tạm giữ là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số xxxxx3363, mang tên Triệu Văn H, là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến tội phạm cần hoàn trả lại cho bị cáo; đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS xxB1 – xxxxx kèm chìa khóa xe mang tên Nông Văn C, qua các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa được xác định là tài sản chung hợp pháp và phương tiện đi lại chung của gia đình bị cáo. Khi bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô này để đi mua ma túy thì bị cáo không nói cho vợ biết; mặt khác chị T, vợ bị cáo đi làm xa không biết việc này, nên không có điều kiện để ngăn cản việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô mua ma túy. Đồng thời, bị cáo chỉ sử dụng chiếc xe mô tô để đi chợ mua thực phẩm và kết hợp mua ma túy về sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích làm phương tiện đi bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Do vậy, việc bị cáo cất giấu trái phép chất ma túy trong người và nhà ở của bị cáo chỉ nhằm sử dụng riêng cho bản thân bị cáo, không có liên hệ mật thiết với tội phạm, nên không được coi là bị cáo sử dụng làm phương tiện hỗ trợ, tạo điều kiện dễ dàng cho mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy và cũng không phải là điều kiện cần thiết để người phạm tội thực hiện được hành vi phạm tội tàng trữ; bởi nếu không



có xe và không có nhà, thì tội phạm vẫn hoàn thành. Chiếc xe mô tô không quyết định bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; không được quy định là dấu hiệu của cấu thành tội phạm này, nên cần trả lại cho bị cáo và vợ bị cáo.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo 02 biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập cùng ngày 12/7/2021.

- 01 giấy mua bán xe máy được xác định có liên quan đến quyền sở hữu chiếc mô tô BKS xxB1 – xxxxx và nguồn gốc chiếc xe mô tô đã được làm rõ trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên cần trả lại ngay tại phiên tòa cho bị cáo. Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận hồ sơ vụ án hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện với Tòa án nhân dân huyện N lập ngày 21/06/2021.

[5] Về án phí: Do bị cáo có điều kiện nhân thân như trên và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên xét thấy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của người bào chữa về các tình tiết liên quan đến tài sản, nhân thân người phạm tội; điều luật áp dụng, tội danh; mức hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; quan điểm truy tố, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 249; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015; Điều 292, 293, 329, 331, 333 của BLTTHS 2015.

[1] Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn H (Tên gọi khác: Không) phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 05/01/2021).

Tiếp tục giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T85; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C3; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C4; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4; 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2.

- Trả lại cho bà Triệu Thị D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi;

- Trả lại cho bị cáo số tiền 425.000 (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

- Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân số xxxxx3363 cho bị cáo Triệu Văn H;



- Trả lại cho bị cáo và chị Triệu Thị T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS xxB1 – xxxxxx mang tên đăng ký Nông Văn C, kèm chìa khóa xe;

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo 02 biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập cùng ngày 12/7/2021.


- Trả lại cho bị cáo tại phiên tòa: 01 giấy mua bán xe máy. Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận hồ sơ vụ án hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện với Tòa án nhân dân huyện N lập ngày 21/06/2021.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và bà Triệu Thị D. Bị cáo và bà D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi họ cư trú./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan;
- Người bào chữa;
- VKS huyện N; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã Ký)**

**TRẦN QUANG HÒA**